

Bản án số: **16/2026/LĐ - PT**

Ngày: 14/05/2026

V/v: “*Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn
Bà Trần Thị Thanh Thảo.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Vũ Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 5 năm 2026, ngày 13 tháng 05 năm 2026 và ngày 14 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Lao động phúc thẩm thụ lý số 01/2026/TLPT- LĐ ngày 27 tháng 1 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*”. Do Bản án Lao động sơ thẩm số: 03/2025/LĐ - ST ngày 08 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - thành phố Hà Nội bị bà Lê Thị A1 là nguyên đơn kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2026/QĐ – PT ngày 09 tháng 4 năm 2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 328/2026/QĐ – PT ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn** (Có kháng cáo): Bà **Lê Thị A1**, sinh năm 1989;

Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số A phố Y, phường T, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Số A, tổ dân phố số A, phường Đ, thành phố Hà Nội.
(*Bà Lê Thị A1 có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Trần Hồng A2** và bà **Ngô Thị Thu A3** – Luật sư Công ty Luật TNHH TV (Địa chỉ trụ sở: Số A, phố Đ, phường T, thành phố Hà Nội); Ông **Nguyễn Văn A4** – Luật sư Công ty Luật TNHH TA (Địa chỉ trụ sở: Số A, phố H, phường K, thành phố Hà Nội). (*Luật sư Trần Hồng A2, Luật sư Ngô Thị Thu A3 và Luật sư Nguyễn Văn A4 có mặt*).

- **Bị đơn:** Ngân hàng **TMCP V** (tên viết tắt: V);

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: ***** , do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/9/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 27/11/2023;

Địa chỉ trụ sở chính: Số A phố L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí A6** – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Hải A7**; Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/8/2022; Chức vụ: Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ (Theo Văn bản ủy quyền số 24a/2025/UQN-CTQT ngày 01/7/2025).

Bà Phan Thị Hải A7 ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông **Nguyễn Đức A8**, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021; Chức vụ: Chuyên viên cao cấp, Phòng Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng – Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ; Địa chỉ: Tòa V, số A phố L, phường L, thành phố Hà Nội (Theo Văn bản ủy quyền số 60/2026/UQN-GĐK ngày 06/4/2026). (*Ông Nguyễn Đức A8 có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

*** Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị A1 do ông Trần Trọng A5 là đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 29/08/2023, bà Lê Thị A1 và Ngân hàng TMCP V (Sau đây được gọi tắt là: “V”) ký kết Hợp đồng lao động số 46116 -09-2023/HĐLD-V. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 03/09/2023 đến hết ngày 02/09/2024; Vị trí làm việc của bà A1 là: Giám đốc tại Chi nhánh V L (Địa chỉ: số A đường T, TK A, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Hoà Bình). Lương cơ bản tại thời điểm ký hợp đồng là 12.000.000 VND (*Mười hai triệu đồng*) chưa bao gồm các khoản phụ cấp, các khoản bổ sung, thưởng kinh doanh, chế độ phúc lợi và các khoản hỗ trợ khác. Tổng số tiền lương bà A1 được nhận trên một tháng (gồm lương cứng, các khoản phụ cấp, các khoản hỗ trợ, bổ sung khác) là: 53.500.000 VND (*Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Quá trình làm việc tại Chi nhánh V L, bà A1 luôn làm tròn trách nhiệm của người đứng đầu, đôn đốc các cán bộ, nhân viên, người lao động tại chi nhánh hoàn thành tốt nhiệm vụ được đề ra. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm nâng cao hình ảnh của V trong mắt các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn phụ trách. Đồng thời, bà A1 cũng giúp doanh số của Chi nhánh V L tăng trưởng, thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng, quảng bá được chính sách của V đến các cá nhân, doanh nghiệp.

Trong lúc hoạt động kinh doanh của chi nhánh diễn ra suôn sẻ thì bà A1 nhận được thông tin có khách hàng gửi đơn tố cáo nặc danh đối với bà A1 đến Hội sở của V. Sau đó, bà A1 đã phối hợp cùng cán bộ Phòng Điều tra và Phòng chống gian lận để làm rõ các vấn đề có liên quan.

Ngày 28/05/2024, Tổng Giám Đốc V đã ra Quyết định số 172611/QĐNS - TGD về việc tạm đình chỉ công việc đối với bà A1 trong vòng 30 ngày, bắt đầu từ ngày 01/06/2024. Lý do tạm đình chỉ nhằm xác minh, làm rõ hành vi vi phạm có tính chất đặc biệt phức tạp.

Ngày 18/06/2024, V mở cuộc họp hội đồng kỷ luật về việc xem xét xử lý kỷ luật lao động đối với bà A1 dưới hình thức trực tuyến (Kết nối qua Microsoft Teams). Hội đồng kỷ luật đã thông qua Biên bản họp, kết luận bà A1 thực hiện hành vi: *Chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy nhưng trên thực tế không có mặt Khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy. Trong quá trình đề xuất phê duyệt hồ sơ vay của Khách hàng đã che giấu thông tin khách*

hàng ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, cụ thể: biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo nhưng vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho Khách hàng vay.

Trên cơ sở đó, ngày 26/06/2024 Chủ tịch Hội đồng quản trị V ra Quyết định số 584/2024/QĐ-XLVP về việc xử lý kỷ luật lao động đối với Bà Lê Thị A1 bằng hình thức sa thải. Căn cứ xử lý kỷ luật là: điểm g khoản 4 Điều 32 Nội quy lao động số 1297A/2020/Qđi - HĐQT và điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục 01 Nội quy lao động số 1297A/2020/Qđi-HĐQT.

Bà A1 không đồng ý với kết luận trong Biên bản họp Hội đồng kỷ luật ngày 18/6/2024 và Quyết định số 584/2024/QĐ-XLVP về việc xử lý kỷ luật lao động ngày 26/06/2024 nêu trên. Việc sa thải đối với bà A1 là vi phạm quy định của pháp luật vì vậy bà A1 đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố việc Ngân hàng TMCP V xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 bằng hình thức sa thải là trái quy định pháp luật.

2. Buộc Ngân hàng TMCP V phải nhận bà Lê Thị A1 trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động đã giao kết. Trong trường hợp V không muốn nhận bà A1 trở lại làm việc thì phải trả bà A1 khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật và bồi thường thêm cho bà A1 một khoản tiền bằng 02 (hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 107.000.000 đồng.

3. Buộc Ngân hàng TMCP V phải trả cho bà A1 số tiền lương trong thời gian bà A1 không được làm việc (tức lương tháng 7 và tháng 8 năm 2024) là: 107.000.000 đồng. Đồng thời, phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày bà A1 không được làm việc.

4. Buộc Ngân hàng TMCP V phải trả thêm cho bà A1 số tiền bằng 02 (hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 107.000.000 đồng.

5. Buộc Ngân hàng TMCP V phải thanh toán cho bà A1 một nửa số tiền lương tháng 06/2024 là: 26.750.000 đồng. Do trong quá trình tạm đình chỉ công việc (30 ngày) bà A1 chỉ mới được nhận 50% lương.

Tổng số tiền bà A1 yêu cầu Ngân hàng TMCP V thanh toán trả bà là: 347.750.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, bà A1 không có yêu cầu nào khác.

Về án phí: Bà A1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai và các lời khai tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngân hàng TMCP V (Sau đây được viết tắt là: “V”) trình bày:**

- Ngày 29/08/2023, V và bà Lê Thị A1 ký giao kết Hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng số 46116-09-2023/HĐLĐ-V, hiệu lực từ ngày 29/08/2023; Vị trí làm việc: Giám đốc Chi nhánh L, Vùng 4 –RB, Khối Khách hàng cá nhân. Ngày 26/06/2024, bà Lê Thị A1 bị V xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức Sa thải theo Quyết định Xử lý kỷ luật lao động số 584/2024/QĐ-XLVP ngày 26/06/2024.

V cho rằng nội dung, yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị A1 là không có căn cứ, bởi những lẽ sau đây:

* Về trình tự xử lý kỷ luật lao động (XLKLLĐ) đối với Bà Lê Thị A1.

- Về trình tự thủ tục: V đã tổ chức phiên họp xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 theo đúng trình tự thủ tục quy định. Tại cuộc họp, bà Lê Thị A1 cũng xác

nhận không có khiếu nại, thắc mắc nào liên quan đến trình tự tổ chức cuộc họp. Về thời hạn báo trước, V thông báo mời họp xử lý kỷ luật lao động đối với bà A1 từ ngày 28/05/2024, cuộc họp được tiến hành vào ngày 18/06/2024, bản thân bà A1 cũng xác nhận qua email vào ngày 28/05/2024 về việc đã nhận được thông báo mời họp và đồng ý tham gia cuộc họp. Như vậy, V đã đảm bảo thời hạn báo trước 05 ngày làm việc theo quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Cuộc họp xử lý kỷ luật lao động cũng được tổ chức trong thời hiệu theo quy định của pháp luật (Điều 123 Bộ luật lao động năm 2019).

- Về thành phần dự họp: V đã tiến hành cuộc họp XLKLLĐ đối với bà A1 với sự tham gia của đầy đủ các thành phần bắt buộc theo quy định của pháp luật về lao động bao gồm: Người lao động, đại diện Người sử dụng lao động, Công đoàn, các thành phần khác theo quy định của V (Gồm: Cấp quản lý của Người lao động, Đơn vị phát hiện vi phạm, Đại diện Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, Đại diện Khối Quản trị nguồn nhân lực). Các thành phần bắt buộc có mặt đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về trình tự, diễn biến phiên họp: Cuộc họp đã được thực hiện công khai, dân chủ, các chứng cứ tài liệu, lời của Người lao động do V kết luận đã được đưa ra thảo luận đánh giá công khai, toàn diện.

* Về hành vi vi phạm kỷ luật lao động của bà Lê Thị A1.

Qua quá trình điều tra, xác minh nội bộ, V xác định trong quá trình làm việc tại V, bà Lê Thị A1 đã có các hành vi vi phạm kỷ luật lao động như sau:

- Bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy, nhưng trên thực tế không có mặt khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy.

- Trong quá trình đề xuất phê duyệt hồ sơ vay của Khách hàng, bà Lê Thị A1 đã che giấu thông tin khách hàng gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, cụ thể: biết rõ mục đích sử dụng vốn của Khách hàng là giả mạo nhưng bà Lê Thị A1 vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho khách hàng.

Hành vi của bà Lê Thị A1 đã vi phạm các quy trình/quy định của V, cụ thể như sau:

- Điểm 2 Điều 5 Chương II Quy định số 60/2017/QĐi-TGD quy định xác định trách nhiệm của người quản lý, kiểm soát tại V.

- Quy tắc 1 Điều 3, Tiết (i) và (iii) mục 2 Quy tắc 10 Chương II Quyết định số 226/2023/QĐ-HĐQT v/v ban hành Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng TMCP V.

Căn cứ điểm g khoản 4 Điều 32 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT và điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục 01 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT của Hội đồng quản trị, Hội đồng xử lý kỷ luật lao động đã quyết định kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 bằng hình thức: Sa thải.

Để đi đến kết luận như trên, V đã xác minh và có đầy đủ bằng chứng, tài liệu chứng minh bà A1 đã vi phạm quy định của V, cụ thể như sau:

Hành vi vi phạm số 1:

- Bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút

tiền mặt tại quầy mà không có tiền mặt được thu/chi, các bút toán bao gồm: TT2335600004, TT2335627550, TT2335657979, TT2335655846, TT2335699582, TT2335609840, TT2402665072, TT2402648011). Ngoài ra, tại các bút toán số TT2335657979, TT2335609840, TT2335505001, TT2335511083, TT2335590906, TT2336317872, TT2336377577), bản thân bà A1 là khách hàng nộp tiền, nhưng không có tiền mặt nộp vào theo quy định.

- Tại Biên bản làm việc ngày 13/05/2024 giữa V và bà Lê Thị A1, tại mục 3, bà A1 thừa nhận đã chỉ đạo nhân viên thực hiện các bút toán nêu trên thực hiện việc nộp tiền /rút tiền trên tài khoản, nhưng trên thực tế tại thời điểm nộp/rút tiền không có mặt Khách hàng tại quầy giao dịch, và không có tiền nộp vào tài khoản (hạch toán không).

- Hành vi vi phạm của bà A1 còn được thể hiện thông qua các bằng chứng khác như: Camera ghi hình và các nhân viên giao dịch tại quầy cũng xác nhận tại thời điểm nộp/rút tiền không có mặt khách hàng tại quầy giao dịch. Bên cạnh đó, bà A1 đã thực hiện chỉ đạo nhân viên thực hiện các bút toán không nêu trên thông qua các tin nhắn trao đổi giữa bà A1 và các nhân viên dưới quyền, theo đó các tin nhắn thể hiện việc chỉ đạo của bà A1 đối với nhân viên cấp dưới thực hiện hạch toán việc nộp/rút tiền vào tài khoản mặc dù biết khi đó không có khách hàng tại Quầy. Bà A1 biết rõ việc khách hàng không có mặt tại quầy giao dịch của V để giao dịch, nhưng vẫn chỉ đạo các nhân viên dưới quyền thực hiện hạch toán không nộp /rút tiền trên tài khoản của Khách hàng.

- Hành vi hạch toán không là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của V, bà A1 đã có hành vi chỉ đạo nhân viên cấp dưới hạch toán không, theo đó bà A1 đã vi phạm Điểm 2, điều 5, Chương II, quy định 60/2017/QĐ xác định trách nhiệm của người quản lý, kiểm soát tại V, cụ thể: *“V nghiêm cấm người quản lý chỉ đạo và/hoặc ép buộc cấp dưới thực hiện các hành vi không đúng thẩm quyền, trái quy định của V và quy định của pháp luật”*.

Hành vi vi phạm số 2:

- Khách hàng Đỗ Thị Vân A11 (Căn cước công dân số: *****) có khoản vay theo Hợp đồng số: LN2402401960, và Khách hàng Vì Thị A10 (Căn cước công dân số: *****) có khoản vay theo Hợp đồng số: LN2301098109148 tại V; Mục đích vay vốn: Để bổ sung vốn lưu động kinh doanh.

- Quá trình phê duyệt Hồ sơ vay vốn cho 02 Khách hàng nêu trên, bà Lê Thị A1 mặc dù biết rõ mục đích sử dụng vốn của 02 Khách hàng này là giả mạo nhưng vẫn phê duyệt khoản vay cho Khách hàng. Cụ thể: Bà A1 là người đã trực tiếp hướng dẫn và hỗ trợ 02 Khách hàng nêu trên giải ngân khoản vay vào tài khoản của bên thụ hưởng là bà Đào Thị Thúy A9 (là mẹ chồng của bà A1). Sau khi V thực hiện giải ngân khoản vay, bà A1 đã yêu cầu nhân viên tại quầy rút tiền từ tài khoản của bà A9 và chuyển sang tài khoản của chính bà A1 (Bút toán: TT2402462327 và TT2401960282).

- Bên cạnh đó, V đã làm việc trực tiếp với các Khách hàng Đỗ Thị Vân A11 và Vì Thị A10, theo đó cả 2 Khách hàng đều xác nhận không có buôn bán kinh doanh với bà Đào Thị Thúy A9 (bên thụ hưởng) và cũng không biết bà A9 là ai, các Khách hàng chỉ thực hiện theo hướng dẫn của bà Lê Thị A1. Bản thân bà Lê Thị A1 cũng thừa nhận

việc đã hướng dẫn các Khách hàng giải ngân số tiền vay vào tài khoản của bà A9 là mẹ chồng của bà A1 tại biên bản làm việc ngày 24/04/2024.

- Như vậy, căn cứ vào xác minh dòng tiền, các lời khai của Khách hàng, lời khai của bà Lê Thị A1, V nhận thấy có đủ cơ sở để xác định mục đích sử dụng vốn của Khách hàng Đỗ Thị Vân A11 và Vì Thị A10 là giả mạo, số tiền tài trợ của V sau khi được giải ngân đã không đi vào sản xuất, kinh doanh mà được chuyển ngược về tài khoản của chính bà Lê Thị A1, vì vậy có thể khẳng định bà Lê Thị A1 biết rõ mục đích sử dụng vốn của Khách hàng là giả mạo nhưng vẫn phê duyệt hồ sơ vay vốn cho các Khách hàng.

- Hành vi vi phạm nêu trên của bà A1 đã vi phạm điểm g, khoản 4, Điều 32, Nội quy lao động số 1297A/2020 và điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục 01 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐ-HĐQT của V, cụ thể: Hành vi vi phạm được coi là đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến tài sản, lợi ích của V gồm: *“Giả mạo chữ ký, hồ sơ, chứng từ tài liệu, thông tin, sổ sách, sổ liệu; cắt ghép, sửa chữa, tẩy xóa, che giấu thông tin Khách hàng, thông tin nhà cung cấp, thông tin về đối tác và các hành vi khác có thể làm sai lệch quyết định của Ngân hàng”*. Theo đó hành vi vi phạm có mức xử lý ở khung: Sa thải. Vì vậy, việc V áp dụng hình thức xử lý kỷ luật Sa thải đối với bà Lê Thị A1 là hoàn toàn phù hợp về mặt quy định. V cho rằng các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà A1 là không có căn cứ, vì vậy V kính đề nghị Quý Tòa xem xét, quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A1. Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Về án phí : V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài liệu do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập gồm có:

****Lời khai của người làm chứng bà Đỗ Thị Vân A11 ngày 10/6/2025 thể hiện:***

Ngày 21/01/2024, bà Đỗ Thị Vân A11 có ký Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 1 tỷ đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động theo hạn mức kinh doanh nông sản. Sau khi ký Hợp đồng, V đã giải ngân cho bà A11 số tiền 970.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà A1. Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) còn thiếu thì gia đình bà A11 được phía chị A1 thông báo là chi phí để vay vốn, gia đình bà A11 đồng ý. Tuy nhiên, đến khoảng vài tháng sau thì bà A1 có chuyển trả nốt số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho bà A11 và nói lý do để khắc phục số tiền còn thiếu cho đủ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền vay như Hợp đồng đã ký.

Bà A11 không có quan hệ mua bán hay hợp tác kinh doanh gì với người tên Đào Thị Thúy A9, bà A11 không biết bà A9 là ai ở đâu cả. Sau khi được Tòa án cho xem bản kê khai mua hàng ghi bên cung cấp là bà Đào Thị Thúy A9, bà A11 xác nhận đó là chữ ký và chữ viết của bà A11. Bà A11 không có đăng ký hộ kinh doanh cá thể. Toàn bộ hồ sơ chuẩn bị vay vốn là bà A1 chuẩn bị cho bà A11 để đảm bảo cho việc bà A11 đủ điều kiện vay vốn của Ngân hàng.

Bà A11 đang làm thuê cho Công ty ở khu công nghiệp 72 ha Quốc Oai nên không xin nghỉ để đến Tòa án được. Bà A11 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

****Lời khai của bà Vì Thị A10 ngày 30/5/2025 thể hiện:***

Ngày 14/01/2024, bà Vì Thị A10 có ký Hợp đồng tín dụng với V để vay số tiền 2.300.000.000 đồng của Ngân hàng. Mục đích vay để kinh doanh hàng thổ cẩm. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.300.000.000 đồng cho bà vào tài khoản của bà Đào

Thị Thúy A9, bà không quen biết bà A9, không biết bà A9 là ai, sau khi ký hợp đồng thì số tiền 2.300.000.000 đồng được chuyển đến tài khoản của bà A10 tại V, bà A10 không biết số tiền vay này được chuyển từ tài khoản nào đến tài khoản của bà, sau đó bà A10 rút tiền ra còn việc nội bộ của Ngân hàng như thế nào bà A10 không biết. Bà A10 không mua bán hàng hóa gì đối với bà Đào Thị Thúy A9, bà chỉ biết ký giấy tờ do nhân viên ngân hàng đưa và nhận đủ tiền vay của V. Bà A10 đã được Tòa cho xem bản kê mua hàng với hộ bà A9, bà A10 xác nhận chữ ký là của bà nhưng bà A10 khẳng định không mua bán gì với bà Đào Thị Thúy A9. Do bà bán hàng nên bà A10 đề nghị Tòa án không triệu tập bà đến tòa, bà A10 xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án kể cả phiên tòa.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm số: 03/2025/LĐ - ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội đã quyết định:

Xử: Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A1 đối với Ngân hàng TMCP V.

Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí Lao động sơ thẩm.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 15/9/2025, nguyên đơn bà Lê Thị A1 có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 03/2025/LĐST ngày 08/9/2025, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (cấp phúc thẩm) sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A1 về các nội dung sau:

1. Tuyên bố việc Ngân hàng TMCP V (tên viết tắt: V) xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 bằng hình thức sa thải là trái quy định pháp luật.

2. Buộc V phải trả thêm cho bà A1 số tiền bằng 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động, cụ thể là: 73.042.970 VNĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019.

3. Buộc V phải nhận bà A1 trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết. Trong trường hợp V không muốn nhận trở lại làm việc thì V phải bồi thường cho bà A1 số tiền bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, cụ thể là: 73.042.970 VNĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019.

4. Buộc V phải trả cho bà A1 số tiền lương trong thời gian không được làm việc (tức lương tháng 7 và tháng 8 năm 2024) là: 73.042.970 VNĐ. Đồng thời, phải đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp trong những ngày bà A1 không được làm việc.

5. Buộc V phải thanh toán cho bà A1 một nửa số tiền lương tháng 06/2024 là: 24.125.000 VNĐ. Do trong quá trình tạm đình chỉ công việc (30 ngày) bà A1 chỉ mới được nhận 50% lương.

Ngoài ra, bà Lê Thị A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự nộp bổ sung các tài liệu chứng cứ sau:

- Nguyên đơn bà Lê Thị A1 giao nộp: (1) Bản chính Vi bằng số 1258/2024 ngày 08/7/2024 lập tại Văn phòng Thừa Phát Lại Thăng Long; (2) Bản sao chứng thực Công văn số 150/UBND – VP ngày 18/8/2025 của UBND xã C, tỉnh Phú Thọ; (3) Bản chính Biên bản làm việc ngày 06/3/2026 tại Xóm L, xã M, tỉnh Phú Thọ được lập giữa bà Lê Thị A1 và bà Vì Thị A10 tại Xóm L, xã M, tỉnh Phú Thọ, có chứng thực của ông Trần Tiến A16, Phó Chủ tịch UBND xã M; (4) Bản chính Bản tự khai của bà Lê Thị A1 đề ngày 11/02/2026; (5) Bản chính Đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ, đơn đề ngày 13/3/2026 của bà Lê Thị A1.

- Bị đơn V do đại diện theo ủy quyền giao nộp: (1) Bản chính Sổ phụ kiêm báo nợ, báo có của khách hàng Đào Thị Thúy A9 (Số tài khoản: *****, Kỳ sao kê từ 01/01/2024 đến 31/01/2024; (2) Bản chính Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có của bà Lê Thị A1 (Số tài khoản: *****, Kỳ sao kê từ 01/01/2024 đến 31/01/2024; (3) Bản chính Biên bản làm việc ngày 23/4/2024 giữa đại diện Phòng điều tra và phòng chống gian lận của V (ông Trần Khánh A17) với bà Bùi Thị A13 (Giao dịch viên tại Chi nhánh V L, Hòa Bình); (4) Bản chính Biên bản làm việc ngày 23/4/2024 giữa đại diện Phòng điều tra và phòng chống gian lận của V với ông Bạch Sơn A12 (Bảo vệ tại Chi nhánh V L, Hòa Bình); (5) Bản photo Quá trình đóng bảo hiểm của bà Lê Thị A1; (6) Bản in màu Cuồng bưu điện ngày 29/7/2024 Bưu cục phát Nam Từ Liêm 129080 thể hiện nội dung: Bưu cục đã phát thành công cho bà Lê Thị A1 nhận đơn hàng mã số hiệu gốc: ED699471375VN, ông A8 giải trình trên cuồng bưu điện nội dung: “Đơn hàng này là Sổ bảo hiểm bản chính của bà Lê Thị A1” (7) Bản chụp màu Giấy xác nhận trả nợ giữa bên vay tiền là bà Lê Thị A1 và bên cho vay là chị Nguyễn Thị A24, gồm 1 trang; (8) Bản chụp Biên bản làm việc ngày 27/4/2024 tại địa chỉ Quốc Oai, Hà Nội giữa bà Đỗ Thị Vân A11, bà Nguyễn Thị A24, ông Nguyễn Văn A25, ông Phí Trung A26, biên bản gồm 2 trang; (8) Bản chụp Zalo các tin nhắn gồm 11 trang, ông Nguyễn Đức A8 đại diện V trình bày nội dung: Đây là những tin nhắn trong Zalo của chị Nguyễn Thị A24, sinh năm 1982, địa chỉ: Chợ B, T, L Hòa Bình (cung cấp cho V) chị A24 và chị Lê Thị A1 - GĐNH VL trao đổi các tin nhắn với nhau.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/5/2026, bị đơn Ngân hàng TMCP V (tên viết tắt là: “V”) do đại diện theo ủy quyền nộp: Đơn đề nghị đưa nhân chứng vào tham gia tố tụng và Đơn xin tạm ngừng phiên tòa để bị đơn chuẩn bị tài liệu, chứng cứ, nộp đơn đề nghị Cơ quan điều tra xem xét hành vi của bà Lê Thị A1 trong thời gian công tác tại Chi nhánh L có hay không có dấu hiệu phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 335 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/5/2026, bị đơn trình bày: V xin rút lại các đơn yêu cầu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/5/2026, nguyên đơn bà Lê Thị A1 (Sau đây gọi tắt là: “Bà A1”) nộp bản chụp màn hình máy tính có nội dung: “Họp xem xét xử lý kỷ luật”, trên ứng dụng máy tính (gồm 1 trang giấy bản đen trắng), bà A1 trình bày: *Tại cuộc họp ngày 18/06/2024, V mở cuộc họp hội đồng kỷ luật về việc xem xét xử lý kỷ luật lao động đối với bà A1 dưới hình thức trực tuyến (Kết nối qua Microsoft Teams), bà A1 có tham gia cuộc họp với tên là: Thoi Le Thi đã được mời tham gia cuộc họp. Ngoài ra, còn có một nick name khác cũng có tên: Lê Thị A1 (Chưa xác minh) đã được mời tham gia cuộc họp. Bà A1 cho rằng V đã mời những người không đúng thành phần tham gia cuộc họp xử lý kỷ luật đối với bà. Ngoài ra, nguyên đơn còn giao nộp bản photo các ý kiến của nguyên đơn về Biên bản họp xem xét xử lý kỷ luật lao động gửi qua hộp thư đến thư ký Hội đồng kỷ luật và các thư trả lời của thư ký Hội đồng kỷ luật trả lời bà A1 (gồm 19 trang giấy bản đen trắng) thể hiện ý kiến của bà về việc không đồng ý với nội dung và kết luận của Hội đồng xử lý kỷ luật...*

- Nguyên đơn bà Lê Thị A1 và các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, thống nhất trình bày yêu cầu kháng cáo như sau:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị A1 đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện gồm: **(1)** Tuyên bố việc V xử lý kỷ luật lao động đối với bà bằng hình thức sa thải là trái quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu này, bà A1 giữ nguyên như trong đơn kháng cáo đã gửi đến Tòa án; **(2)** Đối với các yêu cầu về việc bồi thường do V đã Sa thải bà A1 trái pháp luật, nguyên đơn trình bày như sau: Tại đơn khởi kiện, bà A1 yêu cầu mức bồi thường cho 02 tháng lương là: 107.000.000 đồng. Tổng số tiền bà A1 yêu cầu V phải thanh toán cho bà tại đơn khởi kiện là: **347.750.000 đồng** (Ba trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, bà A1 không có yêu cầu nào khác.

Nay tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị A1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn kháng cáo đã gửi đến Tòa án, có nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án Lao động sơ thẩm số: 03/2025/LĐ - ST ngày 09/8/2025. Bà A1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A1, cụ thể như sau: **(1)** Tuyên bố việc Ngân hàng TMCP V (V) xử lý kỷ luật lao động đối với bà A1 bằng hình thức Sa thải là trái quy định pháp luật; **(2)** Buộc V phải trả thêm cho bà A1 số tiền bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, cụ thể là: 73.042.970 VNĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 (BLLĐ); **(3)** Buộc V phải nhận bà A1 trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết. Trong trường hợp V không muốn nhận trở lại làm việc thì V phải bồi thường cho bà A1 số tiền bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, cụ thể là: 73.042.970 VNĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 41 BLLĐ; **(4)** Buộc V phải trả cho bà A1 số tiền lương trong thời gian không được làm việc (tức lương tháng 7 và tháng 8 năm 2024) là: 73.042.970 VNĐ. Đồng thời, phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày bà A1 không được làm việc; **(5)** Buộc V phải thanh toán cho bà A1 một nửa số tiền lương tháng 06/2024 là: 24.125.000 VNĐ. Do trong quá trình tạm đình chỉ công việc (30 ngày) bà A1 chỉ mới được nhận 50% lương. **Tổng cộng là: 243.253.910 đồng.**

Về số tiền và căn cứ yêu cầu bồi thường: Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng ngày 01/07/2024 (Kỳ sao kê từ ngày 28/07/2024 đến ngày 30/06/2024) cho thấy, bình quân lương tháng của bà A1 là 36.521.485 VNĐ - tính trung bình lương trong 10 tháng (từ tháng 9/2023 đến tháng 06/2024). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 xác định lại mức lương bà yêu cầu được bồi thường là: 73.042.970 đồng/02 tháng (36.521.485 đồng/01 tháng), thấp hơn so với mức yêu cầu tại đơn khởi kiện nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện, bà A1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn kháng cáo, bà A1 đề nghị Tòa án tiến hành làm việc, xác minh, lấy lời khai đối với bà Đào Thị Thúy A9 để làm rõ nội dung có hay không việc giao dịch, mua bán giữa bà Đỗ Thị Vân A11 và bà Vi Thị A10 với bà Đào Thị Thúy A9 (là chủ tài khoản nhận giải ngân). Nay bà A1 không yêu cầu Tòa án tiến hành làm việc, xác minh, lấy lời khai đối với bà A9 nữa. Bà A1 xác nhận trong thời gian từ ngày 03/9/2023 đến ngày 26/6/2024 và cho đến nay, bà Đào Thị Thúy A9 là mẹ chồng của bà A1. Bà A1 cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập, lấy lời khai đối với các nhân chứng khác. Ngoài những yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi mà bà vừa trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề

nào khác.

Bà Lê Thị A1 xác nhận nội dung, quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động số 46116-09-2023/HĐLĐ-V, hiệu lực từ ngày 29/08/2023 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V (V) và bà Lê Thị A1 như bà đã trình bày tại cấp sơ thẩm là đúng. Bà A1 không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng trên. Bà A1 cũng đã được V phổ biến về các chính sách, quy định và nội quy của V trong đó có Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT của Hội đồng quản trị V và Phụ lục kèm theo cũng như các quy định, chính sách về chuyên môn của V. Bà A1 đã tuân thủ các quy định về nội quy của V trong quá trình công tác tại V Chi nhánh L, Hòa Bình và đã hướng dẫn chỉ đạo cán bộ cấp dưới của bà thực hiện theo đúng Nội quy và các chính sách chung của V. Bà A1 có mối quan hệ tốt đẹp với các đồng nghiệp cấp dưới, không có mâu thuẫn với ai trong chi nhánh nơi bà công tác. Quá trình lãnh đạo đơn vị, bà đã dẫn dắt chi nhánh hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, thể hiện ở doanh thu của Chi nhánh V L tăng trưởng, thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng...

Bà A1 xác nhận: Chị Nguyễn Thị Mỹ A22 (Giao dịch viên), Nguyễn Thị A23 (Kiểm soát viên), là các nhân viên dưới quyền của bà A1 công tác tại V Chi nhánh L là những nhân viên đã thực hiện các bút toán liên quan đến khách hàng Vì Thị A10 vào ngày 19/01/2024. Chị Bùi Thị A13 (Giao dịch viên) và Nguyễn Thị A23 (Kiểm soát viên), là các nhân viên dưới quyền của bà A1 công tác tại V Chi nhánh L là những nhân viên đã thực hiện các bút toán liên quan đến khách hàng Đỗ Thị Vân A11 vào ngày 24/01/2024. Ông Bạch Sơn A12 là Bảo vệ tại Chi nhánh L nơi bà A1 công tác; Bà A1 không biết vì sao ông A12 gửi vào tài khoản của bà A1 tổng số tiền 2.300.000.000 đồng vào ngày 19/01/2024, cụ thể: bút toán TT2401991157 với số tiền: 2.150.000.000 đồng và bút toán TT2401911343 với số tiền 150.000.000 đồng. Giữa bà A1 và ông A12 không có quan hệ mua bán gì.

Bà A1 xác nhận: Bà A1 có nhận được Bưu phẩm do Bưu cục phát Nam Từ Liêm chuyển đến cho bà vào ngày 29/7/2024. Vì thời gian đã lâu nên bà A1 không nhớ là đã nhận được Sổ Bảo hiểm xã hội (bản chính) do V gửi qua đường bưu điện về nhà cho bà hay chưa, bà A1 trình bày: “Bà sẽ về nhà tìm lại”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 không yêu cầu V chốt sổ và trả Sổ Bảo hiểm xã hội (bản chính) cho bà.

Căn cứ kháng cáo của bà Lê Thị A1 như sau:

1. V đã vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục tổ chức phiên họp xử lý kỷ luật lao động. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, vi phạm thời gian thông báo phiên họp:

Ngày 28/5/2024, bà A1 nhận được Thông báo về việc mời họp xử lý kỷ luật số 485 ngày 28/5/2024, thông báo này được gửi qua email cho bà; Nội dung thông báo cuộc họp xem xét xử lý kỷ luật theo hình thức kết nối Microsoft Teams, thời gian 14h30 ngày 05/6/2024. Sau đó, bà A1 nhận được thông báo cuộc họp bị hoãn lại nhưng không nói lý do hoãn là gì. Ngày 14/6/2024, V gửi thư điện tử mời bà A1 tham gia phiên họp xử lý kỷ luật lao động đối với bà A1 thông báo phiên họp được mở lại vào ngày 18/6/2024. Bà A1 cho rằng V đã vi phạm về thời gian báo trước vì chưa đủ ***"ít nhất 05 ngày làm việc"*** báo trước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 145/2020/NĐ-CP. Đại diện của V giải thích việc hủy cuộc họp là do

"chưa sắp xếp được các thành viên hội đồng", đồng thời cũng thừa nhận việc không ban hành thông báo mời họp mới thay thế cho thông báo cũ. Như vậy, việc hủy cuộc họp là do nguyên nhân chủ quan của V, do đó V buộc phải ban hành thông báo mời họp bằng văn bản và tuân thủ thời gian báo trước.

Thứ hai, thành phần tham gia xử lý kỷ luật không đúng quy định:

Việc các cá nhân ông Lê Hoàn A27 và ông Trần Khánh A17 (Phòng ĐT và PCGL) và ông Nguyễn Minh A28 (trưởng phòng GQTCKNTC) không có trong thành phần tham dự (theo Quyết định thành lập hội đồng xử lý kỷ luật số 484/2024/QĐ-XL VP ngày 28/05/2024) nhưng đã tham gia nhận định, đánh giá về hành vi của bà A1 và đưa ra kết luận về việc có vi phạm, đồng thời tham gia bỏ phiếu đồng thuận về việc sa thải là trái thẩm quyền.

Thứ ba, Hội đồng xử lý kỷ luật không biểu quyết đầy đủ:

Tại trang 8 trong Biên bản họp hội đồng kỷ luật ngày 18/06/2024, chỉ có 4/5 thành viên tham gia biểu quyết (gồm: ông Nguyễn Thành A14; bà Trần Thị Hương A18; bà Hoàng Thu A19; bà Nguyễn Thị Hải A20), thiếu 01 phiếu biểu quyết của bà Hoàng Thị Hải A21 (Thư ký). Như vậy, việc biểu quyết nêu trên là không đầy đủ thành phần tham dự, không đảm bảo tính khách quan, toàn diện.

Thứ tư, người ban hành quyết định sa thải không đúng thẩm quyền:

Mặc dù V đã có Văn bản ủy quyền số 03/2024/UQN-CTQ ngày 08/11/2024 có tên ông Ngô Thành A15 (phạm vi ủy quyền ký hợp đồng lao động và xử lý kỷ luật). Tuy nhiên, tại mục V (Thời hạn ủy quyền) không có nội dung thay thế hiệu lực cho Giấy ủy quyền số 73/2020/UQ-CT ngày 21/12/2020 (chỉ có hiệu lực thay thế cho các giấy ủy quyền khác). Do đó, thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 về cơ bản vẫn thuộc về ông Ngô Chí A6 (người đại diện theo pháp luật) và bà Trần Thị Diệp A29 (người trực tiếp được ông Ngô Chí A6 ủy quyền ký hợp đồng lao động với bà Lê Thị A1).

Thứ năm, V chưa làm việc trực tiếp với khách hàng để xác minh và thu thập hồ sơ trước khi sa thải bà Lê Thị A1:

Tại Vi bằng số 1253/2024/VB-TPLTL ngày 08/07/2024, bà Vì Thị A10 đã khẳng định: "Bà Vì Thị A10 không nhận được bất kỳ giấy mời làm việc nào từ Phòng điều tra và Phòng chống gian lận (PĐTPCGL) của V. Bà chưa từng làm việc với PĐTPCGL - V dưới bất kỳ hình thức nào". Bà A1 đã nộp vi bằng nêu trên cho Tòa án cấp sơ thẩm, tuy nhiên Tòa cấp sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá nội dung trong vi bằng. Trong quá trình diễn ra phiên họp xử lý kỷ luật lao động vào ngày 18/06/2024, phía V đã không đưa ra được văn bản ghi nhận ý kiến, quan điểm của khách hàng về việc có nhờ bà A1 che giấu mục đích sử dụng vốn. Tại Tòa án, V cũng không đưa ra được các văn bản để chứng minh đã làm việc với khách hàng. V không làm việc với khách hàng để xác minh, thu thập thông tin trước khi xử lý kỷ luật.

2. Chưa có đầy đủ bằng chứng chứng minh vi phạm của bà A1.

Thứ nhất, chưa đủ chứng cứ chứng minh bà Lê Thị A1 biết rõ khách hàng không kinh doanh, cố ý che giấu thông tin của khách hàng. Trong các lần làm việc với Phòng điều tra và Phòng chống gian lận, bà A1 chưa hề thừa nhận về việc biết mục đích vay vốn là giả mạo.

Đối với hồ sơ vay của khách hàng Vì Thị A10: Khách hàng có kinh doanh mặt hàng thổ cẩm được UBND xã xác nhận (một lần vào ngày 27/12/2022; một lần vào ngày 28/12/2023). Không hề có việc bà A1 biết khách hàng không kinh doanh những vẫn che giấu. Ngoài ra, hồ sơ vay của khách hàng Vì Thị A10 thực chất đã có từ trước khi bà A1 làm Giám đốc chi nhánh. Do đó, nếu cho rằng bà A1 che giấu thông tin của khách hàng về mục đích sử dụng vốn là không đúng. Bà A1 chỉ ký khế ước nhận nợ khi khách hàng xin tái cấp tín dụng (sau khi đã trả đủ tiền gốc và lãi trong thời hạn vay).

Đối với hồ sơ vay của khách hàng Đỗ Thị Vân A11: Khách hàng kinh doanh tại chợ và được UBND xã T xác nhận vào ngày 20/01/2024. Trong Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn của khách hàng Đỗ Thị Vân A11 kèm theo các phụ lục (gọi tắt là Giấy đề nghị vay vốn), chính khách hàng này đã kê khai mục đích vay vốn là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, việc khách hàng Đỗ Thị Vân A11 không kinh doanh thật là yếu tố nằm ngoài khả năng quyết định của bà A1. Tại thời điểm đó bà A1 chỉ có thể căn cứ vào các tài liệu do cấp dưới lập và thẩm định, bà A1 không hề biết rõ và không cố ý che giấu thông tin của khách hàng. Việc bà Đỗ Thị Vân A11 cho rằng bà A1 tự lập hồ sơ không (trong Biên bản ghi lời khai ngày 10/06/2025) là không có căn cứ.

Thứ hai, bà A1 đã hoàn toàn ngay tình và đã làm đúng trách nhiệm của mình theo sự phân công: Cán bộ kiểm soát (chức vụ Lê Thị A1 đảm nhận) sẽ thực hiện nhiệm vụ "*kiểm tra, kiểm soát tính giả mạo hồ sơ đã được thực hiện bởi cán bộ quan hệ khách hàng*".

Thứ ba, chưa có hậu quả xảy ra trên thực tế, hậu quả chưa được cơ quan có thẩm quyền xác định: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019. Trên thực tế, V chưa bị thiệt hại, đồng thời cũng chưa có cơ quan có thẩm quyền nào vào cuộc để xác định việc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng. Đến nay các khách hàng Vì Thị A10 và Đỗ Thị Vân A11 đều đã thực hiện tất toán hết khoản vay, không thể coi một khách hàng đang thực hiện đúng hợp đồng là "đe dọa gây thiệt hại" về tài sản cho ngân hàng được.

Bà Lê Thị A1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà để sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện (đã sửa đổi) của bà Lê Thị A1.

Các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, cụ thể như sau:

Về việc trả Sổ Bảo hiểm xã hội (thư 26/7/2024 gửi xác định phát tận tay, nhân viên bưu điện xác định phát thành công 28/7/2024, không có Phiếu báo phát xác định bà A1 nhận được) → Do yêu cầu kháng cáo tuyên bố Sa thải trái pháp luật, buộc nhận trở lại làm việc nên không yêu cầu trả sổ BHXH. Tuy nhiên, vấn đề này phát sinh tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động nếu HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm của luật sư, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm vì việc Sa thải của V vi phạm quy định của pháp luật về thủ tục sa thải và căn cứ sa thải. Cụ thể như sau:

Thủ tục sa thải trái pháp luật: Quyết định v/v xử lý kỷ luật lao động của V đối với bà Lê Thị A1 số 584/2024/QĐ-XL VP ban hành ngày 26/6/2024. Tại thời điểm sa thải ngày 26/6/2024, thủ tục sa thải tuân theo quy định áp dụng cho việc giải quyết gồm: BLLĐ năm 2019, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLLĐ về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Ngoài ra, việc sa thải còn tuân theo quy định nội bộ của V là Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐ-HĐQT ngày 14/12/2020. Thủ tục xử lý kỷ luật sa thải được quy định tại khoản 6 Điều 122 BLLĐ và được cụ thể hóa tại Điều 70 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP:

Về việc xác định hành vi vi phạm:

Các hành vi V cáo buộc đối với bà Lê Thị A1 được cho là từ tháng 10, 12/2023 và năm 2024 mới phát hiện nên được xác định là người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật lao động sau khi hành vi đã xảy ra, không lập được biên bản tại thời điểm vi phạm nên V bắt buộc phải tuân theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP để chứng minh đầy đủ các bằng chứng thu thập nhằm chứng minh lỗi vi phạm của bà Lê Thị A1 trước khi tổ chức phiên họp XLKL lao động sa thải và ban hành quyết định sa thải người lao động. Tuy nhiên, trong hồ sơ bị đơn thể hiện chưa có đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh vi phạm về việc chỉ đạo nhân viên bút toán trái quy định, che giấu thông tin khách hàng, biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo đối với tất cả các trường hợp khách hàng có giao dịch vay vốn.

- Đối với trường hợp của khách hàng Vì Thị A10 được cho là đảo nợ quá hạn và liên quan đến bà Đào Thị Thúy A9 là bên thứ ba nhưng không có tiền mặt rút ra/nộp vào tại quầy giao dịch thì tại thời điểm xử lý kỷ luật lao động V chưa xác minh thu thập chứng cứ đối với bà A10 cũng như bên thứ ba là bà A9. Bà A10 cũng đã khẳng định không được mời làm việc và chưa từng làm việc với Phòng điều tra và chống gian lận của V. Vi phạm này của V này được chứng minh ngay tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2025 của Tòa án cấp sơ thẩm do thẩm tra viên Nguyễn Thị Hạnh tiến hành ghi lời khai của bà Vì Thị A10 (BL 734). Cho đến khi giải quyết vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm mới tiến hành xác minh ghi ý kiến bà A10 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trong trường hợp đánh giá lời khai mâu thuẫn, không xem xét lời khai ban đầu của bà A10 tại Vì bằng từ ngày 08/7/2024 mà căn cứ lời khai tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án vào năm 2025 thì cũng không có cơ sở để tin lời khai nào là chính xác. Trong trường hợp này, phải căn cứ tài liệu chứng cứ vật chất là hồ sơ vay của khách hàng. Khách hàng Vì Thị A10 có quan hệ tín dụng với V từ trước, bà A1 chỉ là người kế thừa tiếp tục giải quyết hồ sơ vay của khách hàng này. Vấn đề này cần được làm rõ để chứng minh có hay không lỗi vi phạm thuộc trường hợp sa thải đối với người lao động.

- Tương tự, đối với trường hợp khách hàng Đỗ Thị Vân A11, do V không thu thập lời khai để xác minh lỗi vi phạm của bà A1 nên khi giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm cũng phải ủy thác cho TAND huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội thực hiện ghi lời khai của bà Đỗ Thị Vân A11 tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/6/2025 (BL 735) để xem xét việc sa thải của V đối với bà Lê Thị A1.

V chưa điều tra, xác minh ý kiến của khách hàng Đỗ Thị Vân A11, khách hàng Vì Thị A10, cũng như bên thứ ba là bà Đào Thị Thúy A9 nên chưa đủ chứng cứ chứng minh lỗi vi phạm của bà Lê Thị A1 nhằm xử lý theo hình thức sa thải.

Về việc tổ chức cuộc họp xử lý kỷ luật vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 123 BLLĐ được thể chế hóa tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. Pháp luật chỉ quy định thời hạn báo trước đối với phiên họp xử lý kỷ luật lao động đối với NLĐ, không quy định thời gian hoãn phiên họp, ngày 28/5/2024, V gửi email mời bà A1 tham gia phiên họp XLKLLĐ vào hồi 14h30 phút ngày 05/6/2024 nhưng thông báo hoãn lại, ngày 14/6/2024, V gửi email cho bà A1 thông báo phiên họp được mở lại vào ngày 18/6/2024 là không đủ 5 ngày làm việc trước ngày tiến hành phiên họp.

V vi phạm thành phần phiên họp XLKLLĐ. Biên bản họp có dấu hiệu giả mạo do có 3 Biên bản họp xử lý kỷ luật lao động ngày 18/6/2024.

Căn cứ sa thải: Không có tài liệu chứng cứ thể hiện Bà A1 - Giám đốc Phòng giao dịch Chi nhánh L có hành vi tham nhũng hay tội phạm. Tại Quyết định sa thải số 584 ngày 26/6/2024 cũng nêu căn cứ XLKL là áp dụng điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục số 01 Nội quy lao động là hoàn toàn không đúng vì điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục 01 Nội quy lao động không điều chỉnh hành vi bị đưa ra XLKL lao động đối với bà A1. Do đó, V vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 127 BLLĐ 2019 vi hành vi bị nghiêm cấm khi XLKL lao động đối với hành vi mà PL về lao động không có quy định. BLLĐ không quy định, điều chỉnh về hành vi có liên quan đến tham nhũng, tội phạm.

- Hành vi thứ hai bị sa thải: Tại trang 11 Biên bản họp XLKL ngày 18/6/2024, thể hiện Kết luận của Hội đồng kỷ luật: "Bà Lê Thị A1 trong quá trình đề xuất phê duyệt hồ sơ vay của khách hàng đã che giấu thông tin khách hàng, ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, cụ thể: biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo nhưng vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho khách hàng" quy định tại điểm g khoản 4 Điều 32 Nội quy lao động:

- Xét mục đích vay của KH Đỗ Thị Vân A11: Về thẩm quyền bà A1 là lãnh đạo chi nhánh chỉ xem xét ký trình đề xuất phê duyệt khoản vay trên hồ sơ vay của khách hàng. Tại hồ sơ thể hiện bà A11 kinh doanh được UBND xã xác nhận ngày 20/01/2024, mục đích vay vốn được bà A11 kê khai tại Giấy đề nghị vay vốn và cán bộ tín dụng quan hệ khách hàng của chi nhánh cam kết thông tin của khách hàng chính xác, đúng sự thật, đã kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp tín dụng của bà A11, nếu có thông tin nào ảnh hưởng đến kết quả xét duyệt sẽ báo cho Giám đốc chi nhánh biết. Do vậy, không có cơ sở để xác định bà A1 biết mục đích vay là giả mạo.

Xét mục đích vay của bà Vì Thị A10 kinh doanh hàng thổ cẩm đã được UBND xã xác nhận 2 lần ngày 27/12/2022 và ngày 28/12/2023. Phù hợp với /vi bawgf ngày 1253 ngày 08/7/2025 của VP Thừa phát lại Thăng Long.

- Quyết định xử lý kỷ luật lao động không căn cứ vào quy định sa thải của Bộ Luật Lao động: Tại Quyết định số 584 ngày 26/6/2024, V xử lý kỷ luật bà Lê Thị A1 hình thức sa thải nhưng không căn cứ vào quy định nào của BLLĐ về sa thải. Điều này thể hiện tại Quyết định số 584 ghi rõ thi hành kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 theo hình thức kỷ luật sa thải và căn cứ kỷ luật, chỉ căn cứ: Điểm g khoản

4 Điều 32 Nội quy lao động; Điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục số 01 Nội quy lao động. Quyết định XLKL lao động của V không căn cứ quy định nào của pháp luật về lao động và không đúng quy định thuộc một trong các trường hợp có hành vi bị sa thải quy định tại Điều 125 Bộ Luật Lao động (BLLĐ).

* Về thiệt hại của hành vi làm căn cứ để áp dụng sa thải hay không:

Đối chiếu quy định tại Điều 125 BLLĐ, được hiểu nhiều khả năng V xem xét vi phạm xử lý KLLĐ đối với bà A1 theo quy định tại khoản 2 Điều 125 BLLĐ "có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động". Trong vụ án này V không chứng minh được hành vi của bà A1 gây thiệt hại nghiêm trọng hay đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của V đã khẳng định các khoản vay của khách hàng liên quan đến hành vi XLKL lao động sa thải đối với bà A1 đều không gây thiệt hại, đã được tất toán, khách hàng trả nợ gốc và lãi đầy đủ; không thỏa mãn quy định tại khoản 2 Điều 125 BLLĐ nên có cơ sở xác định V không căn cứ vào quy định nào của BLLĐ để sa thải bà A1. Do đó Quyết định XLKL sa thải số 584 ngày 26/6/2024 là trái pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ Điều 308 và 309 BLTTDS để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định.

Nguyên đơn đồng ý với phần trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn, nguyên đơn bà Lê Thị A1 trình bày bổ sung như sau:

Cuộc họp Xử lý Kỷ luật lao động ngày 18/6/2024 được V thực hiện qua ứng dụng Microsoft Team đã được chuyển hóa thành văn bản, bà A1 đã trực tiếp tham gia cuộc họp, bà đã đọc và ký xác nhận vào Biên bản này, đồng thời ghi thêm ý kiến bổ sung, ý kiến này của bà đã được đính kèm vào văn bản. Tuy nhiên, sau khi cuộc họp diễn ra, bà A1 mới được đọc và ký biên bản. Bà A1 ký biên bản do thư ký cuộc họp yêu cầu bà ký.

Tại các Biên bản làm việc giữa đại diện phòng điều tra chống gian lận đối với bà Lê Thị A1 diễn ra vào các ngày 24/4/2024, ngày 06/5/2024 và ngày 13/5/2024, bà A1 có đọc biên bản, ký nháy từng trang và ký rõ họ và tên ở trang cuối cùng. Đối với biên bản làm việc ngày 24/4/2024, phần cuối biên bản bà có ghi rõ: *Tôi đã đọc các nội dung trên và công nhận đúng*. Tuy nhiên, thời điểm đó, bà A1 chưa có sự chuẩn bị, mặt khác bà A1 bị ép buộc phải ký vào 3 biên bản trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bị ép buộc ký vào các biên bản trên.

Lời khai tại Biên bản làm việc ngày 24/4/2024 thể hiện: Bà A1 có cung cấp số tài khoản của khách hàng Đào Thị Thúy A9 để khách hàng giải ngân khoản vay do các khách hàng này muốn bà A1 tìm tài khoản người quen, uy tín để nhận hộ tiền giải ngân. Bà A1 nhận thấy việc bà cung cấp số tài khoản của mẹ chồng bà là bà Đào Thị Thúy A9 cho các khách hàng nhận tiền giải ngân là việc làm bình thường, không vi phạm quy định hay chính sách nào của V.

- Bị đơn Ngân hàng TMCP V (Sau đây gọi tắt là: "V") do ông Nguyễn Đức A8 là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

V giữ nguyên phân trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. V đã xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải đối với bà Lê Thị A1 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những hành vi vi phạm của bà A1 trong thời gian công tác tại V Chi nhánh L, Hòa Bình được Hội đồng kỷ luật ghi nhận trong Quyết định số 584/2024/QĐ – XLVP về việc xử lý kỷ luật lao động ngày 26/6/2024 là đúng với bản chất sự việc và hành vi mà bà A1 đã thực hiện trên thực tế. Bà A1 có hành vi che giấu thông tin khách hàng, chính là che giấu mục đích sử dụng vốn vay mà hành vi này của bà A1 có thể làm sai lệch quyết định của Ngân hàng tiềm ẩn khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng đến tài sản và lợi ích của Ngân hàng thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 125 Bộ Luật Lao động năm 2019 và được quy định tại điểm g, khoản 4, Điều 32 của Nội quy lao động số 1297A/2020 của V. Ngoài ra, những vi phạm của bà A1 còn vi phạm mục ii, điểm d Điều 7 quy định Trách nhiệm của cán bộ nhân viên V phải tránh các tình huống dẫn đến xung đột lợi ích phát sinh từ/liên quan đến thành viên gia đình hoặc Người có quan hệ thân thiết được quy định tại Chính sách quản lý xung đột lợi ích số 225/2023/CSH-HĐQT của V. Nhưng bà A1 đã cung cấp số tài khoản của mẹ chồng bà là bà Đào Thị Thúy A9 cho các khách hàng giải ngân. Bà A1 là giám đốc chi nhánh nhưng vi phạm mục 2, Điều 5 Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của V và Quy định số 60/2017/QĐ - TGD về trách nhiệm của người quản lý, kiểm soát, có nội dung: *V nghiêm cấm người quản lý chỉ đạo và/hoặc ép buộc cấp dưới thực hiện các hành vi không đúng thẩm quyền, trái quy định của V và quy định của pháp luật...*

Đối với Sổ Bảo hiểm xã hội (BHXH) của bà Lê Thị A1 đã được V chốt sổ và gửi chuyển phát về địa chỉ nhà riêng cho bà A1, cuống bưu điện thể hiện đã phát thành công cho bà A1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 không yêu cầu V chốt sổ và trả sổ BHXH cho bà nên có căn cứ thể hiện việc bà A1 đã nhận được Sổ BHXH nên không có yêu cầu liên quan đến Sổ Bảo hiểm xã hội.

Đối với yêu cầu cung cấp bản ghi âm ghi hình cuộc họp XLKLLĐ ngày 18/6/2024, thực hiện qua ứng dụng Microsoft Team đã được chuyển hóa thành văn bản, bà A1 đã trực tiếp tham gia cuộc họp, bà đã đọc và ký xác nhận vào Biên bản này, đồng thời ghi thêm ý kiến bổ sung, ý kiến này của bà đã được đính kèm vào văn bản nên việc yêu cầu cung cấp bản ghi âm ghi hình này là không cần thiết.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án đồng thời giữ quan điểm giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến của các bên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UB

TVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử: Bác kháng cáo của bà Lê Thị A1. Giữ nguyên Bản án số 03/2025/LĐ – ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội.

Án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí Lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về điều kiện khởi kiện, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 16/7/2024, bà Lê Thị A1 nộp đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội khởi kiện Ngân hàng TMCP V (Sau đây được gọi tắt là: “V”) yêu cầu tuyên bố V sa thải bà A1 trái pháp luật và yêu cầu bồi thường do sa thải trái pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức Sa thải” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn có địa chỉ tại: Số A, phố L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội) là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 26/06/2024, bà Lê Thị A1 bị V xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức Sa thải theo Quyết định Xử lý kỷ luật lao động số 584/2024/QĐ-XLVP ngày 26/06/2024. Ngày 16/7/2024, Tòa án nhân dân quận Đống Đa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội) nhận được đơn khởi kiện của bà Lê Thị A1 khởi kiện đối với việc V ra Quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải đối với bà A1. Tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019 quy định: “*Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm*”. Căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

1.3. Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị A1 kháng cáo trong hạn luật định, thuộc trường hợp không phải nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

1.4 Đánh giá giá trị pháp lý của chứng cứ mới do các đương sự nộp tại cấp phúc thẩm:

Căn cứ Điều 93 (Chứng cứ), Điều 95 (Xác định chứng cứ) Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 quy định: *Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận...* Do đó, đối với các tài liệu photo do các

bên đương sự giao nộp tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm không được coi là chứng cứ trong vụ án.

Đối với Bản in màu từ hệ thống, bị đơn trình bày đây là: Cuống bưu điện ngày 29/7/2024 Bưu cục phát Nam Từ Liêm 129080 thể hiện nội dung: Bưu cục đã phát thành công cho nguyên đơn bà Lê Thị A1 nhận đơn hàng mã số hiệu gốc: ED699471375VN, ông A8 giải trình: *Đơn hàng này là Sổ bảo hiểm bản chính của bà Lê Thị A1*. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận đã nhận được đơn hàng này, tuy nhiên có phải là Sổ Bảo hiểm bản chính của nguyên đơn hay không thì nguyên đơn sẽ về nhà tìm lại. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn chốt sổ và trả Sổ Bảo hiểm cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xét Vi bằng bà Lê Thị A1 nộp trong quá trình tố tụng:

Về giá trị chứng minh của Vi bằng: Giá trị chứng minh của Vi bằng trong trường hợp này là cực kỳ thấp và không đủ sức thuyết phục để lật ngược các tài liệu chứng cứ vật chất là hồ sơ vay của khách hàng Vi Thị A10, Đỗ Thị Vân A11, Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có của bà Đào Thị Thúy A9 và bà Lê Thị A1, Lời khai của giao dịch viên Bùi Thị A13, Nguyễn Thị Mỹ A22, lời khai của Kiểm soát viên Nguyễn Thị A23 và bảo vệ Bạch Sơn A12 do V cung cấp.

Giới hạn phạm vi chứng minh của Vi bằng theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP: Vi bằng là văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi mà Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến (Khoản 3 Điều 2 Nghị định 08/2020/NĐ-CP). Nguyên đơn giao nộp: Bản chính Vi bằng số 1258/2024 ngày 08/7/2024 lập tại Văn phòng Thừa Phát Lại Thăng Long (Địa chỉ: Số nhà 2, khu dân cư mới số 1, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên), có nội dung: Ghi nhận buổi làm việc giữa bà Lê Thị A1 và một người phụ nữ mặc áo chống nắng màu xanh. Theo yêu cầu của bà Lê Thị A1, Thừa phát lại là ông Nguyễn Hữu A30 ghi nhận buổi làm việc giữa bà Lê Thị A1 và một người phụ nữ mặc áo chống nắng màu xanh – theo sự giới thiệu của bà Lê Thị A1 là bà Đỗ Thị Vân A11 – người trực tiếp ký Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2401201640513. Như vậy, Vi bằng này chỉ có giá trị chứng minh có sự việc bà A1 gặp một phụ nữ mặc áo chống nắng trình bày ý kiến, hoàn toàn không có giá trị chứng minh tính xác thực đó có phải là bà Đỗ Thị Vân A11 hay không? Cũng không thể xác thực nội dung lời khai đó. Về bản chất tố tụng, đây là chứng cứ gián tiếp, không phải là chứng cứ vật chất trực tiếp về hành vi. Các tài liệu khác ghi nhận lời khai của bà Đỗ Thị Vân A11, bà Vi Thị A10 không có giá trị cao hơn Lời khai của nhân chứng Đỗ Thị Vân A11 và Vi Thị A10 do Tòa án thực hiện. Do đó, tài liệu trên do nguyên đơn giao nộp không được xác định là chứng cứ trong vụ án.

Đối với Bản sao chứng thực Công văn số 150/UBND – VP ngày 18/8/2025 của UBND xã C, tỉnh Phú Thọ về việc trả lời việc cung cấp thông tin, nội dung như sau: *“Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ xin ..., bà Đỗ Thị Vân A11 thời điểm đó kinh doanh nông sản là đúng tình hình thực tế tại thời điểm đó. Qua công tác kiểm tra hồ sơ lưu trữ từ xã T (cũ) nay là xã C hiện tại kiểm tra hồ sơ lưu trữ thời điểm đó là không lưu trữ giấy xác nhận của bà Đỗ Thị Vân A11, việc xác nhận trên không qua các thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân xã...”*. Do đó, công văn này không được xác định là chứng cứ trực tiếp và không có giá trị cao hơn Lời khai của bà Đỗ Thị Vân A11 do Tòa án thực hiện.

Đối với Bản chính Biên bản làm việc ngày 06/3/2026 được lập giữa bà Lê Thị A1 và bà Vì Thị A10 tại Xóm L, xã M, tỉnh Phú Thọ, có chứng thực của ông Trần Tiến A16, Phó Chủ tịch UBND xã M, có nội dung: “ Bà Vì Thị A10 (bà A10) là khách hàng vay vốn của Ngân hàng TMCP V (V). Bà Lê Thị A1 (bà A1) trao đổi với bà A10 một số nội dung liên quan tới quá trình vay vốn của bà A10 tại V chi nhánh L và quá trình điều tra, xác minh thông tin của Phòng Điều tra và Phòng chống gian lận V. Đồng thời, trao đổi thêm về nội dung Biên bản ghi lời khai ngày 30/05/2025 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa (có xác nhận của UBND xã Chiềng Châu và Tòa án ND huyện Mai Châu); Nội dung cụ thể như sau:

... Bà A10 trả lời: Đúng là trước đây tôi có khai không quen biết bà Đào Thị Thúy A9, không biết bà A9 là ai, không mua bán hàng hóa gì đối với bà Đào Thị Thúy A9. Tuy nhiên, đến nay tôi suy nghĩ lại thì tôi khẳng định như sau: Tôi làm ăn buôn bán với nhiều người, sự việc diễn ra đã lâu, do đó tôi không nhớ rõ là có làm ăn, buôn bán với bà Đào Thị Thúy A9 hay không. Cũng có thể tôi đã từng mua bán (hoặc không) với bà A9, nhưng đến nay tôi không nhớ rõ nên không dám khẳng định... Biên bản này do bà A1 chủ động lập với bà Vì Thị A10 vào ngày 06/3/2026, bà A10 có lời khai không rõ ràng.

Mặt khác, xét về tính chấp nhận của chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm: Căn cứ Điều 287 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ tại giai đoạn phúc thẩm: Đương sự chỉ được quyền bổ sung chứng cứ mới nếu chứng minh được lý do chính đáng vì sao không thể cung cấp được tại cấp sơ thẩm. Vụ án được thụ lý từ tháng 6 năm 2025, nguyên đơn hoàn toàn có đủ thời gian (gần 1 năm) và điều kiện để thu thập xác nhận các tài liệu chứng cứ, bổ sung yêu cầu khởi kiện cũng như đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng ngay từ giai đoạn sơ thẩm. Không có bất kỳ trở ngại khách quan nào (thiên tai, nhân chứng đi vắng, ốm đau...) ngăn cản nguyên đơn làm việc này. Việc nguyên đơn đến cấp phúc thẩm mới cung cấp chứng cứ là Bản chính Biên bản làm việc ngày 06 tháng 3 năm 2026 (được lập giữa bà Lê Thị A1 và bà Vì Thị A10 tại Xóm L, xã M, tỉnh Phú Thọ) là vi phạm nghĩa vụ cung cấp chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận xem xét chứng cứ này do không thỏa mãn điều kiện của Điều 287 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.5 Xét đơn yêu cầu cung cấp chứng cứ của bà Lê Thị A1 đề ngày 13/3/2026, có nội dung như sau:

Đối với yêu cầu cung cấp bản ghi âm ghi hình cuộc họp Xử lý kỷ luật lao động ngày 18/6/2024, thực hiện qua ứng dụng Microsoft Team đã được chuyển hóa thành văn bản, bà A1 đã trực tiếp tham gia cuộc họp, bà đã đọc và ký xác nhận vào Biên bản này, đồng thời ghi thêm ý kiến bổ sung, ý kiến này của bà đã được đính kèm vào văn bản nên V không cung cấp bản ghi âm ghi hình này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu lấy lời khai đối chất với nhân chứng là bà Đào Thị Thúy A9. Do tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đã đầy đủ, Mặt khác, bà A9 là mẹ chồng của bà A1, do đó lời khai của bà A9 có thể không khách quan. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành lấy lời khai của bà A9 mà căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét quan hệ lao động giữa V và bà Lê Thị A1 Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Ngân hàng TMCP V (tên viết tắt: “V”) và bà Lê Thị A1 ký giao kết Hợp đồng lao động số 46116-09-2023/HDLĐ-V, hiệu lực từ ngày 29/08/2023; Theo nội dung Hợp đồng các bên thỏa thuận: Thời hạn của Hợp đồng được xác định là 12 tháng, từ ngày 03/9/2023 đến hết ngày 02/9/2024; Công việc: Đảm nhiệm công việc với chức danh ban đầu là: Giám đốc chi nhánh; Địa điểm làm việc: số A Đường T, TK A, thị trấn L, huyện L, Hoà Bình; Lương cơ bản tại thời điểm ký hợp đồng là 12.000.000 đồng chưa bao gồm các khoản phụ cấp, các khoản bổ sung, thưởng kinh doanh, chế độ phúc lợi và các khoản hỗ trợ khác. Tổng số tiền lương bà A1 được nhận trên một tháng (gồm lương cứng, các khoản phụ cấp, các khoản hỗ trợ, bổ sung khác) là 53.500.000 đồng. Ngoài ra, Hợp đồng còn có các điều khoản thỏa thuận khác. Hợp đồng lao động nói trên được ký giữa V và bà Lê Thị A1, các bên tham gia giao kết hợp đồng nêu trên đã tuân thủ các quy định khi giao kết hợp đồng được quy định tại các Điều 13, 14, 15, 18 và 21 Bộ Luật Lao động năm 2019 nên hợp đồng lao động trên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết và các bên có nghĩa vụ thực hiện.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị A1 đề nghị Tòa án tuyên bố Ngân hàng TMCP V (V) Sa thải bà trái pháp luật:

Quyết định về việc sa thải người lao động số 584/2024/QĐ – XLVP về việc xử lý kỷ luật lao động ngày 26/6/2024 có nội dung như sau:

- Căn cứ Bộ luật lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Nội quy lao động của V;
- Căn cứ Ủy quyền số 03/2024/UQN – CTQT ngày 08/01/2024;
- Căn cứ Biên bản họp xử lý kỷ luật ngày 18/6/2024 và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thi hành kỷ luật lao động đối với Bà Lê Thị A1 (MSNV: 46116)

Chức danh: Giám đốc Chi nhánh

Đơn vị công tác: Chi nhánh L, Vùng 4-RB, Khối Khách hàng cá nhân.

Hình thức kỷ luật: Sa thải.

Lý do kỷ luật: Bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy nhưng trên thực tế không có mặt Khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy. Ngoài ra, bà Lê Thị A1 trong quá trình đề xuất phê duyệt hồ sơ vay của Khách hàng đã che giấu thông tin Khách hàng, ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, bà A1 biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo nhưng vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho Khách hàng.

2.2.1 Căn cứ xử lý kỷ luật: Điểm g khoản 4 Điều 32 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT; điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục số 01 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT.

Tại cấp phúc thẩm, Bà A1 kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng: Căn cứ sa thải của V là không đúng quy định của pháp luật vì những căn cứ sau: Thứ nhất, vi phạm thời gian thông báo phiên họp; Thứ hai, thành phần tham gia xử lý kỷ luật không đúng quy định; Thứ ba, Hội đồng xử lý kỷ luật không biểu quyết đầy đủ; Thứ tư, người ban hành quyết định sa thải không đúng thẩm quyền; Thứ năm, V chưa làm

việc trực tiếp với khách hàng để xác minh và thu thập hồ sơ trước khi sa thải bà; Thứ 6, chưa có thiệt hại thực tế xảy ra.

Xét căn cứ xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1:

Quyết định về việc sa thải người lao động số 584/2024/QĐ – XLVP về việc xử lý kỷ luật lao động ngày 26/6/2024 nêu hành vi sai phạm của bà A1: ***(1) Bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy nhưng trên thực tế không có mặt Khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy. (2) Ngoài ra, bà Lê Thị A1 trong quá trình đề xuất phê duyệt hồ sơ vay của Khách hàng đã che giấu thông tin Khách hàng, ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, bà A1 biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo nhưng vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho Khách hàng.***

Điều g khoản 4 Điều 32 (Xử lý kỷ luật bằng hình thức Sa thải) Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐĐi-HĐQT có quy định: *Giả mạo chữ ký, hồ sơ, chứng từ tài liệu, thông tin, sổ sách, số liệu; cắt ghép, sửa chữa, tẩy xóa, che giấu thông tin khách hàng, thông tin nhà cung cấp, thông tin về đối tác và các hành vi khác có thể làm sai lệch quyết định của Ngân hàng.*

Điều c khoản 3 Điều 55 (Vi phạm về trách nhiệm của Cán bộ quản lý, kiểm soát tại đơn vị) Phụ lục số 01 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐĐi-HĐQT có quy định: *Cách chức đối với người lao động có hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều 55 và thuộc một trong các trường hợp sau: (c) Hướng dẫn, chỉ đạo, ép buộc nhân viên cấp dưới thực hiện hành vi vi phạm;*

**** Xét hành vi vi phạm của nguyên đơn bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy nhưng trên thực tế không có mặt Khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy.***

Bà Lê Thị A1 xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm: Khách hàng Đào Thị Thúy A9, CCCD: ***** là mẹ chồng bà A1.

Tại Biên bản làm việc ngày 06/5/2024, bà A1 trình bày với Đại diện Phòng điều tra và phòng chống gian lận (Sau đây được viết tắt là: “PĐTPCGL”) như sau:

Tổng quan về các bút toán bà A1 nộp, rút tiền, KH A9 nộp rút tiền nhưng không có tiền mặt tại quầy + KH A9 không có mặt tại quầy. Ý kiến bà A1: *“Trong các bút toán này, tôi và bà A9 đều là KH và có nhu cầu thực hiện nộp, rút tiền. Người thực hiện nộp/ rút tiền cho các KH là các bạn Teller/ kiểm soát viên”.*

Các bút toán liên quan đến việc giải ngân khoản vay của chi nhánh vào tại khoản của KH A9. Ý kiến bà A1: *“KH có nhờ tôi tìm số tài khoản của người tin tưởng để nhận tiền giải ngân, tôi cho các KH thông tin KH A9 để tự làm việc, KH tự ghi số tài khoản của KH A9 vào đề nghị giải ngân”.*

Về tiền giải ngân của 2 khoản vay của bà A1 tại V. Ý kiến bà A1: *“Tôi xác định được khoản vay của tôi sẽ được giải ngân nên tôi nhờ các bạn ở quầy tìm người tin tưởng để nhận tiền giải ngân”.*

Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2024 giữa bà Lê Thị A1 (với Đại diện PĐTPCGL - V, bà A1 trình bày nội dung như sau:

“Vì các giao dịch rút/nộp tiền mặt của tôi và KH Đào Thị Thúy A9 đều cân đối tiền thu chi (KH Đào Thị Thúy A9 rút tiền mặt, đồng thời tôi nộp tiền mặt vào hoặc ngược lại; các giao dịch số tiền đều bằng nhau). Tôi và KH Đào Thị Thúy A9 cũng

đã thỏa thuận và được sự đồng ý của KH Đào Thị Thúy A9. Tôi nghĩ không vấn đề gì nên tôi yêu cầu các bạn Giao dịch viên tại quầy thực hiện. Qua buổi làm việc với Phòng Điều tra ngày hôm nay, tôi đã ý thức được như vậy là không đúng.

Tôi xác nhận các tài khoản vay của các KH Bui Van Vinh, Do Viet Hoa, Do Thi Van Le, Hoang Van Suu, Bui Thi Tan đều được giải ngân vào tài khoản KH Đào Thị Thúy A9. Các KH này muốn tôi tìm tài khoản người quen, uy tín để nhận hộ tiền giải ngân. Tôi có cung cấp STK của KH Đào Thị Thúy A9 để KH giải ngân khoản vay”.

Các nhân viên giao dịch tại quầy cũng xác nhận tại thời điểm nộp/rút tiền không có mặt khách hàng Đào Thị Thúy A9 tại quầy giao dịch, các nhân viên thực hiện các bút toán không nêu trên thông qua chỉ đạo của bà A1 mặc dù biết khi đó không có khách hàng Đào Thị Thúy A9 tại Quầy. Bà Lê Thị A1 biết rõ việc khách hàng Đào Thị Thúy A9 không có mặt tại quầy giao dịch của V để giao dịch, nhưng vẫn chỉ đạo các nhân viên dưới quyền thực hiện hạch toán không nộp /rút tiền trên tài khoản của bà Đào Thị Thúy A9. Lời khai của các nhân viên dưới quyền của bà A1 phù hợp với lời khai của bà A1 và các bút toán đã được thực hiện trên tài khoản của bà A1 và bà A9, cụ thể như sau:

Biên bản làm việc ngày 23/4/2024 giữa đại diện Phòng điều tra và phòng chống gian lận V với bà Nguyễn Thị Mỹ A22 là giao dịch viên của V Chi nhánh L đồng thời là cán bộ dưới quyền của bà Lê Thị A1 – GĐC; Giao dịch viên Nguyễn Thị Mỹ A22 trình bày: “Đối với KH Đào Thị Thúy A9: do KH là mẹ chồng của GĐCN, nên tất cả các giao dịch liên quan đến cô A9 tôi đều thực hiện theo chỉ đạo của CKS là chị A23 và GĐCN Lê Thị A1. Các bút toán liên quan đến cô A9 đều không có mặt tại quầy. Sau khi thực hiện hạch toán xong thì tôi sẽ gửi chứng từ cho GĐ A1 để đưa về nhà cho cô A9 ký bổ sung sau. Từ ngày tôi vào công tác tại chi nhánh, tôi chưa bao giờ gặp mặt trực tiếp cô A9”.

Giao dịch viên Nguyễn Thị Mỹ A22 là người thực hiện Bút toán FT24019132903197 tại thời điểm ngày 19/1/2024 đối với của khách hàng Vì Thị A10 theo Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số LN2301098109148 ngày 14/1/2023, hạn mức cho vay 3 tỷ đồng; mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh, hàng thổ cẩm, theo Giấy đề nghị giải ngân và Khế ước nhận nợ ngày 14/1/2023. Số tiền KH Vì Thị A10 đề nghị giải ngân vào tài khoản của bà Đào Thị Thúy A9 (mục đích là để thanh toán tiền hàng) là: 2,3 tỷ đồng. Cùng ngày 19/1/2024, bút toán TT 2401972782 bà Đào Thị Thúy A9 rút 2,3 tỷ ra khỏi tài khoản.

Tại Biên bản làm việc ngày 23/4/2024 giữa ông Bạch Sơn A12, Căn cước công dân số ***** (Bảo vệ tại V Chi nhánh L) với Đại diện PĐTPCGL - V, có nội dung: Về việc nộp tiền vào tài khoản của bà Lê Thị A1 – Giám đốc chi nhánh L nhưng không có tiền mặt nộp vào. Ông A12 trình bày: Ông A12 xác nhận ngày 19/01/2024, ông A12 có nộp tiền vào tài khoản của chị Lê Thị A1 – GĐCN số tiền 2,3 tỷ đồng nhưng không có tiền mặt nộp vào. Ông A12 được nhân viên tại quầy là bà A22 (ngồi ở quầy số 1) nhờ ký vào giấy nộp tiền. Ông A12 không có tiền mang vào nộp. Ông A12 không biết nội dung nộp tiền là gì, tại sao lại nộp, số tiền là bao nhiêu, ông A12 không được tư lợi gì về việc này. Ông A12 xác nhận sự việc trên.

Lời khai trên đây của ông Bạch Sơn A12 phù hợp với bút toán TT2401991157

với số tiền: 2.150.000.000 đồng và bút toán TT2401911343 với số tiền 150.000.000 đồng (tổng số tiền 2.300.000.000 đồng) ông A12 đã ký giấy nộp tiền vào ngày 19/01/2024, để chuyển số tiền 2,3 tỷ vào tài khoản của bà A1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 không lý giải được vì sao khoản tiền này được ông A12 chuyển vào tài khoản của bà A1 mặc dù giữa bà A1 và ông A12 không có quan hệ mua bán gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 23/4/2024 giữa bà Bùi Thị A13 với Đại diện PĐTPCGL - V, có nội dung như sau: *Đối với bút toán TT2402411076 của khách hàng Đỗ Thị Vân A11 do bà Bùi Thị A13 nhập liệu xử lý trên hệ thống, bà A13 trình bày: Cô Đào Thị Thúy A9 (mẹ chồng chị A1) rút 1 tỷ từ tài khoản của cô A9. Chị A1 nộp 1 tỷ vào tài khoản của chị A1 nên số tiền cân nhau. Tôi là người nhập liệu xử lý các bút toán trên tại V chi nhánh L. Tôi có nắm được quy trình thu/chi tiền mặt tại quầy. Tôi thừa nhận những bút toán thu/chi những bút toán tiền mặt trên là không đúng với quy định. Cụ thể: KH Đào Thị Thúy A9 không có mặt tại quầy các bút toán trên không có tiền mặt giao dịch. Tôi chưa gặp cô A9 lần nào. Những bút toán trên đều do CKS là chị A23 và GĐCN Lê Thị A1 chỉ đạo thực hiện. KH Đào Thị Thúy A9 là mẹ chồng của GĐCN Lê Thị A1.*

Tại Biên bản làm việc ngày 23/4/2024 giữa bà Nguyễn Thị A23 (Kiểm soát viên Chi nhánh L) với Đại diện PĐTPCGL - V, bà Nguyễn Thị A23 trình bày nội dung như sau: *Tôi có nắm được quy định thu/chi tiền mặt tại quầy. Tôi thừa nhận những bút toán thu/ tiền mặt bao gồm: TT2335600004, TT2335627550, TT2335657979, TT2335655846, TT2335699582, TT2335609840, TT2402665072, TT2402648011). Ngoài ra, tại các bút toán số TT2335657979, TT2335609840, TT2335505001, TT2335511083, TT2335590906, TT2336317872, TT2336377577) không có tiền mặt xuất ra và thu vào là không đúng với quy định. Cụ thể: KH Đào Thị Thúy A9 không có mặt tại quầy và các bút toán trên không có tiền mặt giao dịch. Tôi chưa gặp cô A9 tại chi nhánh lần nào. KH Đào Thị Thúy A9 là mẹ chồng của GĐCN Lê Thị A1, tôi chỉ gặp cô A9 tại nhà riêng. Đối với các giao dịch liên quan đến cô Đào Thị Thúy A9 (rút từ TK cô A9 nộp sang tài khoản chị A1 hoặc chị A1 nộp sang tài khoản khác hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của cô A9) thì là do chị A1 yêu cầu thực hiện. Tại thời điểm đó chị A1 nói cô A9 có nhu cầu như vậy, tôi đã gọi điện cho cô để xác nhận lại nhu cầu và được cô đồng ý. Tôi thấy rằng số tiền nộp rút là bằng nhau, không gây thiệt hại gì vật chất gì cho V nên tôi đã duyệt các bút toán nộp/rút tiền từ tài khoản của cô. Chứng từ rút tiền được chị A1 bổ sung sau cho tôi. Đối với các giao dịch không liên quan đến cô Đào Thị Thúy A9 và không có tiền mặt được rút/nộp tại quầy (khách hàng khác): do chị A1 yêu cầu tôi thực hiện và tôi thấy rằng số tiền rút ra và khách khác nộp vào là đúng bằng nhau, không ảnh hưởng đến quỹ nên tôi đã thực hiện và lập bảng kê tiền. Tôi thừa nhận tôi thực hiện các bút toán trên là không đúng với quy định của Ngân hàng. Các các bút toán trên tôi đều thực hiện theo chỉ đạo của chị A1 nhưng tôi không nhận bất kỳ lợi ích vật chất nào từ chị A1. Tôi xin rút kinh nghiệm.*

- Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của Giao dịch viên Nguyễn Thị Mỹ A22, Bùi Thị A13, Nguyễn Thị A23 (Kiểm soát viên) có căn cứ xác định: Bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy mà không có tiền mặt được thu/chi, các bút toán bao gồm: TT2335600004,

TT2335627550, TT2335657979, TT2335655846, TT2335699582, TT2335609840, TT2402665072, TT2402648011). Ngoài ra, tại các bút toán số TT2335657979, TT2335609840, TT2335505001, TT2335511083, TT2335590906, TT2336317872, TT2336377577), bản thân bà A1 là khách hàng nộp tiền, nhưng không có tiền mặt nộp vào theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 trình bày: Bà không có mâu thuẫn với các nhân viên tại V Chi nhánh L. Những lời khai bà trình bày tại các Biên bản làm việc ngày 24/4/2024; 06/5/2024, 13/5/2024 do Cán bộ Phòng điều tra và phòng chống gian lận lấy lời khai của bà khi bà chưa có sự chuẩn bị, và bà bị ép buộc ký vào biên bản. Tuy nhiên, bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà A1 bị ép buộc ký vào các biên bản trên.

Có căn cứ xác định bà A1 đã quanh co, cố ý không thừa nhận việc bà A1 đã có hành vi chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy nhưng trên thực tế không có mặt Khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bà A1 tại các Biên bản làm việc ngày 24/4/2024; 06/5/2024, 13/5/2024 và các lời khai của Giao dịch viên Nguyễn Thị Mỹ A22, Bùi Thị A13, Nguyễn Thị A23 (Kiểm soát viên) và các bút toán trên có căn cứ xác định: Trong thời gian công tác tại V Chi nhánh L, bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy nhưng trên thực tế không có mặt Khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy, không có tiền nộp vào tài khoản (Hạch toán không).

**** Xét hành vi vi phạm của bà Lê Thị A1 trong quá trình đề xuất phê duyệt hồ sơ vay của Khách hàng đã che giấu thông tin Khách hàng, ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo nhưng vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho Khách hàng.***

Tại Biên bản làm việc ngày 13/5/2024, bà A1 trình bày với đại diện Phòng điều tra và phòng chống gian lận nội dung như sau:

“1. Về các khoản vay cầm cố sổ tiết kiệm của KH Đào Thị Thúy A9 (sau đây gọi tắt là KH A9): bà A9 là mẹ chồng tôi. Tôi và bà A9 đã thống nhất rằng tôi được phép vay, sử dụng tiền vay cầm cố sổ tiết kiệm của bà A9 tại V để xử lý công việc gia đình.

2. Về các bút toán bà A9 rút tiền mặt từ TK bà A9 (sau khi khoản vay của KH được giải ngân vào tài khoản của bà A9), sau đó tôi nộp tiền mặt vào tài khoản của tôi hoặc người khác nhưng không có tiền mặt rút ra, nộp vào: do KH nhờ tôi tìm người tin tưởng để nhận tiền giải ngân, sau đó KH muốn dùng tiền mặt hoặc chuyển khoản đi tài khoản nên tôi hỗ trợ KH rút từ TK bà A9, nộp hoặc chuyển khoản cho các tài khoản mà KH yêu cầu (các bút toán nộp và rút có tổng số tiền bằng nhau). Tôi xác nhận việc nộp/rút như vậy là không đúng quy định”.

Tại Bản chính Sổ phụ kiểm báo nợ, báo có của khách hàng Đào Thị Thúy A9 – Sổ tài khoản: *****, địa chỉ: Số A phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội, Kỳ sao kê từ 01/01/2024 đến 31/01/2024, có nội dung: Ngày giao dịch **19/01/2024**, bút toán FT24019132903197, số tiền **2,3 tỷ** đồng vào tài khoản của bà Đào Thị Thúy A9. Cùng ngày **19/01/2024**, bút toán TT 2401972782 bà Đào Thị Thúy A9 rút **2,3 tỷ** ra khỏi tài khoản. Ngày giao dịch **24/01/2024**, bút toán FT24024018817236, giải ngân số tiền **1 tỷ** đồng vào tài khoản của bà Đào Thị

Thúy A9. Cùng ngày **24/01/2024**, bút toán TT 2402462327 bà Đào Thị Thúy A9 rút **1 tỷ** đồng ra khỏi tài khoản.

Tại Bản chính Sổ phụ kiểm báo nợ, báo có của bà Lê Thị A1 - Số tài khoản: *****, địa chỉ: Số A phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội, Kỳ sao kê từ 01/01/2024 đến 31/01/2024, có nội dung: Ngày giao dịch **19/01/2024**, bút toán TT2401991157 với số tiền: 2.150.000.000 đồng và bút toán TT2401911343 với số tiền 150.000.000 đồng; Tổng số tiền **2.300.000.000** đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) ông Bạch Sơn A12 đã ký giấy nộp tiền vào ngày 19/01/2024, để chuyển số tiền 2,3 tỷ vào tài khoản của bà Lê Thị A1. Ngày giao dịch **24/01/2024**, bút toán TT2402411076, bà Lê Thị A1 nộp tiền mặt số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào tài khoản ***** của bà A1.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của Khách hàng Vì Thị A10 và Đỗ Thị Vân A11. Lời khai của bà Đỗ Thị Vân A11 thể hiện bà không đăng ký kinh doanh hộ cá thể và hoàn toàn không có quan hệ mua hàng với bà Đào Thị Thúy A9 như hồ sơ vay vốn thể hiện, toàn bộ hồ sơ vay vốn của bà là do bà A1 lập và đưa cho bà thì bà ký. Lời khai của bà Vì Thị A10 thể hiện bà không mua hàng của bà A9 như bản kê mua hàng có trong hồ sơ vay vốn, bà không quen bà Đào Thị Thúy A9.

Lời khai của bà A1 phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng xuất trình và tài liệu do Tòa án thu thập thể hiện khoản vay của bà Đỗ Thị Vân A11 và bà Vì Thị A10 đều được chuyển vào tài khoản của bên thụ hưởng là bà Đào Thị Thúy A9 (là mẹ chồng của Bà A1). Sau khi V thực hiện giải ngân khoản vay, bà A1 đã yêu cầu nhân viên tại quầy rút tiền từ tài khoản của bà A9 và chuyển sang tài khoản của chính bà A1 (bút toán TT2401991157 với số tiền: 2.150.000.000 đồng và bút toán TT2401911343 với số tiền 150.000.000 đồng (tổng số tiền 2.300.000.000 đồng); Bút toán TT2402411076 với số tiền 1.000.000.000 đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm đã trực tiếp lấy lời khai của bà Vì Thị A10 và bà Đỗ Thị Vân A11, các khách hàng này đều xác nhận không kinh doanh hàng nông sản; không buôn bán, kinh doanh với bà Đào Thị Thúy A9 mà do bà Lê Thị A1 hướng dẫn, hỗ trợ hồ sơ. Sau khi được giải ngân, tiền được chuyển vào tài khoản của bà A9 theo bảng kê mua hàng, nhưng trên thực tế, khách hàng không có quan hệ mua bán với bà A9. Khách hàng thừa nhận vay vốn vào mục đích cá nhân khác, không phải phục vụ kinh doanh hàng hóa nông sản.

Bà A9 không có đăng ký kinh doanh, đồng thời bà Đào Thị Thúy A9 là mẹ chồng của bà Lê Thị A1.

Từ những tài liệu chứng cứ đã được phân tích nêu trên, có căn cứ xác định bà A1 đã biết rõ **mục đích sử dụng vốn của khách hàng Vì Thị A10 và Đỗ Thị Vân A11 là giả mạo, không có thật** (Bà A10 và bà Vân A11 không có quan hệ mua bán với bà A9, việc ký Hợp đồng tín dụng của KH Vân A11 và KH A10 với V Chi nhánh L không phải để vay tín dụng để trả tiền mua hàng hóa mà là tìm người tin tưởng để giải ngân như lời khai của bà A1, người được nhận giải ngân ở đây là bà A9 - mẹ chồng bà A1, nhưng số tiền được giải ngân không phải để trả tiền hàng mà để chuyển về tài khoản của bà A1). Bà A1 đã biết rõ **mục đích sử dụng vốn của khách hàng là giả mạo** nhưng bà A1 vẫn đề xuất, phê duyệt khoản vay của các khách hàng này và thực tế khoản vay đã được giải ngân và dòng tiền đã quay về tài khoản của bà A1.

Đây là hành vi: **Che giấu thông tin khách hàng** chính là che giấu mục đích sử dụng vốn vay mà hành vi này của bà A1 có thể làm sai lệch quyết định của Ngân hàng. Hành vi này được quy định tại Điểm g khoản 4 Điều 32 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT của V, là căn cứ áp dụng hình thức kỷ luật theo hình thức sa thải.

Có thể coi đây là hành vi vi phạm về quy trình nghiệp vụ; tuy chưa gây thiệt hại về tài sản, nhưng vi phạm của bà A1 đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc tuân thủ nghiệp vụ trong giao dịch tín dụng, ngân hàng; tiềm ẩn khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng đến tài sản, lợi ích của Ngân hàng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 125 Bộ luật lao động năm 2019.

Từ những phân tích đánh giá trên, có đủ căn cứ xác định; Bà Lê Thị A1 đã lợi dụng chức vụ giám đốc Chi nhánh để chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/ rút tiền mặt tại Quầy nhưng thực tế không có mặt khách hàng và không có tiền mặt được thu chi tại quầy. Các hành vi nêu trên của Bà Lê Thị A1 đã vi phạm điểm 2 Điều 5 Chương II Quy định số 60/2017/QĐi-TGD về “quy định xác định trách nhiệm của người quản lý, kiểm soát tại V *“V nghiêm cấm người quản lý chỉ đạo và/hoặc ép buộc cấp dưới thực hiện các hành vi không đúng thẩm quyền, trái quy định của V và quy định của pháp luật”*”, vi phạm Quy tắc 1 Điều 3, Tiết (i) và (iii) mục 2 Quy tắc 10 Chương II Quyết định số 226/2023/QĐ-HĐQT v/v ban hành Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng TMCP V và vi phạm điểm g, khoản 4, Điều 32, Nội quy lao động số 1297A/2020 của V, cụ thể: hành vi vi phạm được coi là đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến tài sản, lợi ích của V gồm *“Giả mạo chữ ký, hồ sơ, chứng từ tài liệu, thông tin, sổ sách, sổ liệu; cắt ghép, sửa chữa, tẩy xóa, che giấu thông tin Khách hàng, thông tin nhà cung cấp, thông tin về đối tác và các hành vi khác có thể làm sai lệch quyết định của Ngân hàng”*.

Với các hành vi nêu trên của bà A1 Ngân hàng TMCP V (V) đã căn cứ điểm g khoản 4 Điều 32 Nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT của Hội đồng quản trị, điểm c khoản 3 Điều 55 Phụ lục số 01 nội quy lao động số 1297A/2020/QĐi-HĐQT quyết định kỷ luật lao động đối với Bà Lê Thị A1 bằng hình thức sa thải là đúng quy định của pháp luật nên việc bà A1 đề nghị Tòa án Tuyên bố Ngân hàng TMCP V xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 bằng hình thức sa thải là trái quy định pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

2.2.2 Xét thời hiệu xử lý kỷ luật lao động:

Nguyên tắc xác định thời hiệu xử lý kỷ luật phải căn cứ: Điều 123 Bộ luật Lao động 2019 quy định: “1. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động là 06 tháng kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm...”; Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Nghị định 112/2020/NĐ-CP quy định: “Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý kỷ luật một lần: Trường hợp hành vi vi phạm có tính chất kéo dài thì thời điểm để xem xét xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm”; Căn cứ Điều 4 Nghị định 71/2023/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định 112/2020/NĐ-CP) quy định: Hành vi vi phạm có tính chất kéo dài thì thời điểm xem xét xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hoặc thời điểm hành vi hoàn thành cấu thành vi phạm.

V sa thải bà A1 vì lý do: Bà Lê Thị A1 đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện các bút toán nộp/rút tiền mặt tại quầy nhưng trên thực tế không có mặt Khách hàng và không có tiền mặt được thu/chi tại quầy. Ngoài ra, bà Lê Thị A1 trong quá trình đề xuất phê duyệt hồ sơ vay của Khách hàng đã che giấu thông tin Khách hàng, ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, bà A1 biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo nhưng vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho Khách hàng hoàn thành vào thời điểm bà A1 ký duyệt hồ sơ cho vay của Vì Thị A10 theo Giấy đề nghị giải ngân ngày 19/01/2024 số tiền giải ngân vào tài khoản bà Đào Thị Thúy A9 là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm triệu đồng). Đối với khách hàng Đỗ Thị Vân A11, số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) giải ngân vào tài khoản của bà Đào Thị Thúy A9 là ngày 24/1/2024. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 06 tháng. Tính từ ngày 19/1/2024 đối với hành vi che giấu thông tin Khách hàng, ảnh hưởng đến việc ra quyết định phê duyệt cho vay theo quy định, biết rõ mục đích sử dụng vốn là giả mạo nhưng vẫn đề xuất phê duyệt cho vay, giải ngân cho Khách hàng liên quan đến khách hàng Vì Thị A10 và tính từ ngày 24/1/2024 liên quan đến khách hàng Đỗ Thị Vân A11 đến ngày xử lý kỷ luật là: Ngày 26/06/2024 Chủ tịch Hội đồng quản trị V ra Quyết định số 584/2024/QĐ-XLVP về việc xử lý kỷ luật lao động đối với Bà Lê Thị A1 bằng hình thức sa thải là còn thời hiệu xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Lao động năm 2019.

2.2.3 Xét trình tự thủ tục xử lý kỷ luật đối với bà Lê Thị A1:

Trong các ngày 24/4/2024, 06/5/2024, 13/5/2024, đại diện phòng điều tra và chống gian lận của V đã làm việc với bà A1 để xác minh làm rõ sự việc, sau khi tiến hành xác minh với những người có liên quan đến vụ việc.

Ngày 28/05/2024, Tổng Giám Đốc V đã ra Quyết định số 172611/QĐNS -TGD về việc tạm đình chỉ công việc đối với bà A1 trong vòng 30 ngày, bắt đầu từ ngày 01/06/2024. Lý do tạm đình chỉ nhằm xác minh, làm rõ hành vi vi phạm có tính chất đặc biệt phức tạp. Hội đồng kỷ luật (Nay được viết tắt là: “HĐKL”) đã được thành lập theo Quyết định về việc Thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật số 484/2024/QĐ – XL – VP ngày 28/5/2024 gồm: (1) Ông Nguyễn Thành A14 – Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Pháp Chế và Kiểm soát tuân thủ - Chủ tọa; (2) Bà Trần Thị Hương A18 – Đại diện Công đoàn: Thành viên; (3) Bà Hoàng Thu A19 – Đại diện Nhân sự: Thành viên; (4) Bà Nguyễn Thị Hải A20 – Đại diện Phòng GQTKNTC & PCTN: Thành viên; (5) Bà Hoàng Thị Hải A21 – Thư ký. Ngoài ra, còn có các thành phần tham dự khác: (6) Ông Ngô Văn A31 – Giám đốc Vùng, Vùng 4-RB, Khối Khách hàng cá nhân: Khách mời; (7) Ông Chu Quang A32 – Đại diện Phòng Điều tra và Phòng chống gian lận: Đại diện đơn vị phát hiện: Khách mời. Như vậy, việc xử lý kỷ luật được lập thành biên bản có thành phần Hội đồng kỷ luật bao gồm Lãnh đạo cơ quan, Lãnh đạo các Khối, đại diện Công đoàn, đại diện nhân sự. Cuộc họp xử lý kỷ luật lao động ngày 18/6/2024, thực hiện qua ứng dụng Microsoft Team đã được chuyển hóa thành văn bản, bà A1 đã trực tiếp tham gia cuộc họp, bà đã đọc và ký xác nhận vào Biên bản này, đồng thời ghi thêm ý kiến bổ sung, ý kiến này của bà đã được đính kèm vào quyết định.

Cùng ngày 28/05/2024, V gửi thư mời cho bà A1 qua email của bà A1 mời bà A1 tham gia phiên họp vào hồi 14h30 ngày 05/6/2024. Tuy nhiên ngày 05/6/2024 phiên họp bị hoãn lại nên ngày 14/6/2024, V gửi thư điện tử mời bà A1 tham gia

phiên họp xử lý kỷ luật lao động đối với bà A1 thông báo phiên họp được mở lại vào ngày 18/6/2024. Bà A1 cho rằng V đã vi phạm về thời gian báo trước. Xét thấy, phiên họp lần đầu ngày 05/6/2024, V đã gửi thư mời cho bà A1 theo đúng quy định tại Điều 70 Nghị định 145/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên phiên họp không diễn ra được nên ngày 14/6/2024 V gửi lại thư mời cho bà A1 báo thời gian, địa điểm và hình thức tiến hành phiên họp lần 2 được mở lại vào ngày 18/6/2024. Như vậy, phiên họp ngày 18/6/2024 chỉ là mở lại của phiên họp ngày 05/6/2024; Về bản chất thì thời gian mở phiên họp được kéo dài thêm các bên có thêm thời gian để chuẩn bị cho phiên họp. Do vậy, về thời gian báo trước vẫn được đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 70 Nghị định 145/2020/NĐ-CP nên việc nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm thời gian báo trước là không có căn cứ.

Từ phân tích trên có căn cứ xác định: Biên bản họp xử lý kỷ luật Lao động (XLKLLĐ) đối với bà Lê Thị A1 ngày 18/6/2024, V đã tiến hành cuộc họp XLKLLĐ đối với bà A1 với sự tham gia của đầy đủ các thành phần bắt buộc theo quy định tại Điều 122 Bộ luật lao động năm 2019, tại cuộc họp bà A1 có mặt. Kết thúc cuộc họp có 3/4 phiếu có nội dung đồng thuận với hình thức xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 là Sa thải. Do đó, mức XLKL Lao động theo Quyết định của HDKL là Bà Lê Thị A1: Sa thải. Việc bà A1 có ý kiến cho rằng thành phần tham gia xử lý kỷ luật không đúng là không có căn cứ. Ngoài các thành phần tham gia phiên họp bắt buộc theo quy định của pháp luật, V có mời thêm khách mời tham dự, việc có thêm khách mời tham gia phiên họp chỉ làm cho phiên họp được khách quan không ảnh hưởng đến diễn biến nội dung phiên họp cũng như phán quyết của Hội đồng kỷ luật.

2.2.4 Xét thẩm quyền ký Quyết định sa thải đối với bà Lê Thị A1:

Ông Nguyễn Thành A14 căn cứ vào văn bản ủy quyền số 03/2024/UQN-CTQT ngày 02/01/2024 của ông Ngô Chí A6 – Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V để tiến hành việc họp xử lý kỷ luật lao động và ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động đối với bà Lê Thị A1 là đúng quy định của Bộ luật lao động, Nội quy lao động của V nên việc bà A1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A1 có ý kiến cho rằng người ban hành Quyết định số 584/2024/QĐ-XLVP ngày 26/6/2024 về việc xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải của Ngân hàng TMCP V đối với bà A1 là không đúng thẩm quyền là không có căn cứ.

2.3. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị A1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc V phải nhận bà A1 trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết. Trong trường hợp V không muốn nhận bà A1 trở lại làm việc thì phải trả bà A1 khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật và bồi thường thêm cho bà A1 một khoản tiền bằng 02 (hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động:

Xét thấy: Hợp đồng lao động của bà Lê Thị A1 với V hết hạn vào ngày 02/9/2024, bà A1 cũng không còn làm việc tại V. Mặt khác, Quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải của Ngân hàng TMCP V đối với bà Lê Thị A1 là đúng quy định của pháp luật không thuộc trường hợp quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động nên yêu cầu trên của bà A1 không được chấp nhận.

2.4. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị được giải quyết chế độ khi bị xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải, trái pháp luật

Do Quyết định về việc sa thải người lao động số 584/2024/QĐ – XLVP về việc xử lý kỷ luật lao động ngày 26/6/2024 là có căn cứ và theo đúng quy định của pháp luật nên các yêu cầu của bà A1 đề nghị được giải quyết chế độ cho người lao động không được chấp nhận.

V trình bày đã thực hiện chốt sổ bảo hiểm và trả sổ BHXH cho bà A1, Luật sư yêu cầu giải quyết theo quy định về vấn đề này. Tuy nhiên, Tại phiên tòa bà A1 không kháng cáo và không yêu cầu đối với vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu Tòa án tuyên bị đơn chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lương trong thời gian nguyên đơn không được làm việc (tức lương tháng 7 và tháng 8 năm 2024); Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày nguyên đơn là bà Lê Thị A1 không được làm việc; Trả thêm cho bà A1 số tiền bằng 02 (hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, thanh toán cho bà A1 một nửa số tiền lương tháng 06/2024, là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định việc Ngân hàng TMCP V (V) xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải tại Quyết định số 584/2024/QĐ – XLVP ngày 26/6/2024 đối với bà Lê Thị A1 là có căn cứ và theo đúng quy định của pháp luật nên các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị A1 là không có căn cứ, không được chấp nhận; Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị A1.
2. Giữ nguyên các quyết định của Bản án Lao động sơ thẩm số: 03/2025/LĐ - ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.
3. Về án phí Lao động phúc thẩm: Bà Lê Thị A1 không phải nộp án phí Lao động phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- - VKSND TP. Hà Nội;
- TAND Khu vực 2 - Hà Nội).
- Phòng THA DS Khu vực 2 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Hạnh